

Số: 10/2024/QĐST-DS

Yên Dũng, ngày 18 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên; bà Đinh Thị Thu Huyền.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ khoản 8 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy
ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử
dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 174/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm
2023.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án
và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và
không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (S)

Địa chỉ: A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T; Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lã Thị H; Chức vụ Phó Giám đốc Khối xử lý nợ.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị B – Chuyên viên xử lý nợ,
Khối Xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Đ (S).

Địa chỉ: B T, phường T, quận T, TP Hà Nội.

* Bị đơn: Ông Tống Văn H1, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về xác nhận nợ và thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

* Về xác nhận nợ: Ông **Tổng Văn H1** xác nhận: Tính đến ngày 17/6/2024, ông **Tổng Văn H1** còn nợ **Ngân hàng TMCP Đ (S)** tổng số tiền là **811.110.138** đồng (*T1 trăm mười một triệu, một trăm mười nghìn, một trăm ba tám đồng*), trong đó:

- Hợp đồng cho vay từng lần số REF2129100009/HDTD/HNN-TVH ngày 20/10/2021: Nợ gốc trong hạn 593.323.000 đồng; nợ gốc quá hạn 93.264.442 đồng; nợ lãi trong hạn 102.566.865 đồng; nợ lãi quá hạn 18.643.480 đồng. Tổng cộng là 807.797.787 đồng (*T1 trăm linh bảy triệu, bảy trăm chín mươi bảy nghìn, bảy trăm tám mươi bảy đồng*).

- Hợp đồng hạn mức, phát hành sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 15/10/2021: Nợ gốc quá hạn 2.379.000 đồng; nợ lãi quá hạn 933.351 đồng. Tổng cộng là 3.312.351 đồng (*Ba triệu ba trăm mười hai nghìn, ba trăm năm mươi một đồng*).

* Về nghĩa vụ trả nợ: Ông **Tổng Văn H1** cam kết thực hiện nghĩa vụ trả **Ngân hàng TMCP Đ (S)** khoản nợ nêu trên theo lộ trình như sau:

- Thời hạn chậm nhất là ngày 18/7/2024, ông **Tổng Văn H1** phải trả cho **ngân hàng S** phần dư nợ gốc quá hạn, lãi trong hạn và lãi quá hạn của các Hợp đồng nêu trên tính đến thời điểm thanh toán. Tạm tính đến ngày 17/6/2024 số tiền ông **Tổng Văn H1** phải trả cho **ngân hàng S** là **217.787.138** đồng (*Hai trăm mười bảy triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm ba mươi tám đồng*), trong đó: Nợ gốc quá hạn là 95.643.442 đồng, nợ lãi trong hạn là 102.566.865 đồng, nợ lãi quá hạn: 19.576.831 đồng.

- Từ kỳ trả nợ tháng 7/2024: Ông **Tổng Văn H1** tiếp tục phải trả nợ gốc và lãi cho **S** theo thỏa thuận tại các Hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Ông **Tổng Văn H1** tiếp tục thanh toán cho **S** các khoản tiền lãi, phí... phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay từng lần số REF2129100009/HDTD/HNN-TVH ngày 20/10/2021 và Hợp đồng hạn mức, phát hành sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 15/10/2021 kể từ ngày 18/6/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Nếu ông **Tổng Văn H1** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận trên thì **S** được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của các khoản vay để xử lý thu hồi nợ cho **Ngân hàng TMCP Đ (S)**. Cụ thể các tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản

gắn liền với đất tại thửa đất số 757, tờ bản đồ số 2, có diện tích 253,4 m², tại địa chỉ: **Thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 072985, Sổ vào sổ cấp GCN: CS01811 (T64-Q32018) do **Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B** cấp ngày 30/01/2019 cho ông **Tổng Văn H1**.

Trường hợp số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho **Ngân hàng TMCP Đ (S)**, thì ông **Tổng Văn H1** vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

2.3. Về chi phí tố tụng: Ông **Tổng Văn H1** phải trả cho **Ngân hàng S** số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) chi phí thẩm định, xem xét tại chỗ.

2.4. Về án phí:

Ông **Tổng Văn H1** phải chịu 10.889.357 đồng (*Mười triệu, tám trăm tám mươi chín nghìn, ba trăm năm mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại **Ngân hàng S** số tiền 16.647.000 đồng (Mười sáu triệu, sáu trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000492 ngày 27/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Công thông tin điện tử tòa án;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Sơn